TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/DS-PT**
Ngày: **22/3/2019**
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Dũng**
Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Công Đường**
Bà **Lê Thị Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông **Vũ Đức Thiều** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **A** – sinh năm 1975
Địa chỉ: *Thôn M, xã N, thị xã P, tỉnh Khánh Hòa*.
Ông A có mặt.
* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Bà **B** – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Khánh Hòa. Bà B có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà **C** – sinh năm 1969
Địa chỉ: *Thôn M, xã N, thị xã P, tỉnh Khánh Hòa*. Bà C có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn, ông A.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, ông A trình bày:* Vào năm 2016 bà C có vay của ông nhiều lần với số tiền từ hai đến ba triệu đồng, mỗi lần vay hai bên đều lập giấy vay nợ, lần vay tiếp theo hai bên lại lập giấy mới thể hiện tổng số tiền vay của lần trước cộng với số tiền mới vay rồi xé bỏ giấy vay cũ. Tính đến cuối năm 2016, tổng số tiền bà C đã vay của ông là 20.000.000 đồng. Hai bên đã gặp nhau trao đổi và thống nhất chốt lại số tiền bà C còn nợ ông A là 20.000.000 đồng. Giấy mượn tiền được lập vào ngày 28/12/2016 do bà C viết và giao cho ông A giữ. Sau khi hai bên thống nhất số nợ còn lại thì thỏa thuận, cứ mỗi tháng bà C trả lãi cho ông A cứ 1.000.000 đồng trả 100.000 đồng tiền lãi. Nếu hàng tháng bà C trả lãi đủ như đã thỏa thuận thì tiền gốc sau một năm ông A mới thu lại. Tuy nhiên, sau đó bà C không thực hiện việc trả lãi như đã thỏa thuận. Nay ông A yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả cho ông một lần số tiền gốc đã mượn là 20.000.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, bà C trình bày:* Vào khoảng năm 2016 bà có vay của ông A số tiền 2.000.000 đồng, khi vay bà có hẹn ông A tháng sau sẽ trả, hai bên có lập giấy vay tiền thể hiện số tiền vay là 2.000.000 đồng, giấy do bà viết. Sau khi viết xong giấy xác nhận việc vay tiền bà đưa cho ông A giữ. Theo thỏa thuận khi vay thì hàng tháng bà có nghĩa vụ trả lãi cho ông A, cứ 1.000.000 đồng tiền gốc trả 100.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả lãi theo đúng thỏa thuận hai bên, sau đó bà đã trả đủ cho ông A số tiền gốc đã mượn là 2.000.000 đồng. Khi trả tiền bà có đề nghị ông A giao lại giấy vay tiền để hủy nhưng ông A nói rằng giấy đã bị hỏng do ướt nước nên bà cũng không đòi nữa. Mặt khác, bà nghỉ số tiền vay cũng chỉ có 2.000.000 đồng nên khi trả lại hai bên cũng không làm giấy tờ xác nhận về việc trả số nợ trên. Nay ông A khởi kiện ra tòa án yêu cầu bà trả số tiền 20.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà chỉ vay của ông A số tiền 2.000.000 đồng chứ không phải 20.000.000 đồng. Đồng thời số tiền 2.000.000 đồng bà vay của ông A vào năm 2016 bà cũng đã trả đủ cho ông A. Về giấy mượn tiền ông A xuất trình tại tòa án bà không chấp nhận giá trị pháp lý của tài liệu này do không đúng với nội dung giấy mượn tiền bà đã viết lúc vay tiền ông A cả về số tiền bằng số và bằng chữ. Khi bà trả tiền ông A cố tình không đưa giấy cho bà hủy mà giữ lại tẩy xóa thành số tiền vay thành 20.000.000đg để kiện yêu cầu bà trả.

Bản án sơ thẩm số 44/2018/DSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 95, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn, ông A đối với bị đơn, bà C về việc yêu cầu bà C trả số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 20/11/2018, nguyên đơn, ông A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

+ Ngày 04/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1556/QĐKNPT-DS kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; nguyên đơn, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà C phải trả cho ông một lần số tiền gốc 20.000.000 đồng. Bị đơn bà C đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa phúc thẩm*: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia

tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị và một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và sau khi nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xét kháng cáo của nguyên đơn, ông A; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xét thấy*: Theo các tài liệu có tại hồ sơ xác định: Bà C xác nhận ngày 28/12/2016 có mượn của ông A 2.000.000đ như Giấy mượn tiền mà ông A xuất trình (BL 02), giấy này không đúng vì đã bị làm sai nội dung. Cụ thể bị tẩy xóa về số tiền vay cả số và chữ từ 2.000.000đ thành 20.000.000đ; bản thân ông A cũng thừa nhận:. . . *tôi nhờ người sửa số tiền bằng chữ từ "hai triệu chẵn"* thành *"hai chục triệu chẵn"*. . . (BL 38); như vậy, việc hai bên có quan hệ mượn tiền là có thật nhưng bà đã trả đủ cho ông A. Tuy nhiên, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho ông A số tiền 2.000.000đ vì bà cho rằng: . . . *khi trả số tiền vay cho ông A, tôi có hỏi giấy nợ gốc để hủy nhưng ông A nói bị ướt nước mất rồi, tôi nghĩ số tiền mượn cũng ít nên giấy mất rồi tôi cũng không cần thêm gì nữa và cũng không lập giấy xác nhận đã trả số tiền trên cho ông A*. . . (BL 39). Ý kiến bà C nêu là không có căn cứ, không được ông A chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong khi có chứng cứ chứng minh mối quan hệ mượn số tiền 2.000.000đ giữa ông A, bà C được hai bên thừa nhận là không đánh giá toàn diện các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, gây thiệt hại cho quyền lợi của nguyên đơn. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 1556/QĐKNPT-DS ngày 04/12/2018, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[2] Như đã phân tích tại mục [1] nêu trên, HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 44/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn, bà C phải trả cho nguyên đơn, ông A số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* không tính lãi theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bà C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn, bà **C** phải trả cho ông **A** số tiền **2.000.000đ** *(Hai triệu đồng)*.

2. *Về án phí*: Bà C phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông A được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***** *Qui định*: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu án văn; VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Dũng